



**CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
PHÒNG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
-----o0o-----**

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG ANH

Hà Nội, tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ THỊ TRƯỜNG ANH

1. Thông tin cơ bản
2. Điều kiện tự nhiên
3. Khí hậu
4. Xã hội
5. Thể chế và cơ cấu hành chính
6. Hệ thống pháp luật
7. Lịch sử
8. Văn hóa
9. Giáo dục
10. Ngày nghỉ, lễ tết

PHẦN 2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ, THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

1. Kinh tế
 - 1.1 Tổng quan tình hình phát triển kinh tế
 - 1.2. Các ngành kinh tế trọng điểm
2. Thương mại
3. Đầu tư
4. Cơ sở hạ tầng kinh tế
5. Các chỉ số kinh tế, thương mại và đầu tư cơ bản
6. Quan hệ quốc tế

PHẦN 3. QUAN HỆ HỢP TÁC VIỆT NAM – ANH

1. Quan hệ ngoại giao
2. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại
3. Hợp tác đầu tư và hợp tác phát triển
 - 3.1 Hợp tác đầu tư
 - 3.2 Hợp tác phát triển

PHẦN 4. MỘT SỐ ĐIỀU CẦN BIẾT KHI KINH DOANH VỚI ANH

1. Các quy định về xuất nhập khẩu
 - 1.1. Chứng từ nhập khẩu
 - 1.2 Các mặt hàng cấm nhập khẩu
 - 1.3 Các mặt hàng hạn chế nhập khẩu
 - 1.4 Nhập khẩu hàng mẫu

-
2. Chính sách thuế và thuế suất
 - 2.1 Thuế nhập khẩu
 - 2.2 Thuế giá trị gia tăng
 - 2.3 Thuế thu nhập
 3. Quy định về bao gói, nhãn mác
 4. Quy định về kiểm dịch động thực vật
 5. Quyền sở hữu trí tuệ
 6. Khu vực tự do thương mại và các tổ chức quốc tế
 7. Quy định về tiêu chuẩn đối với hàng hoá và dịch vụ
 8. Thành lập doanh nghiệp
 9. Văn hoá kinh doanh

PHẦN 5. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

TƯ LIỆU THAM KHẢO

PHẦN 1. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ THỊ TRƯỜNG ANH

1. Thông tin cơ bản

Tên nước: **Vương quốc Anh** bao gồm Anh, Scotland và xứ Wales.

Thủ đô: London (Chỉ giới địa lý: $51,3^{\circ}$ Bắc, $0,1^{\circ}$ Tây. Chênh lệch giờ: sớm hơn 5 tiếng so với Washington DC theo chuẩn. Thời gian kéo dài sáng trong ngày: thêm 1h từ ngày chủ nhật cuối cùng tháng 3 đến ngày chủ nhật cuối cùng tháng 11).

Dân số: 62.348.447 người (ước đạt vào tháng 7/2010)

Tiền tệ: bảng Anh

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Thể chế nhà nước: quân chủ lập hiến

Quốc khánh: Vương quốc Anh không kỷ niệm một ngày quốc khánh cụ thể

Vị trí địa lý: Nằm ở khu vực Tây Âu, bao gồm các quần đảo phía bắc đảo Ireland nằm giữa Bắc Đại Tây Dương và biển Bắc.

Toạ độ địa lý: 54° Bắc, 2° Tây

Diện tích: Tổng diện tích: 244.820 km² trong đó diện tích mặt đất là 241.590 km² và diện tích mặt nước là 3.230 km². (bao gồm cả các đảo Rockall và Shetland)

Biên giới đất liền:

Đường biên giới: 360 km

Các nước giáp biên giới: Ireland 360 km

Đường bờ biển: 12.429 km

Diện tích biển: Vùng lãnh hải: 12 nm

Vùng đặc quyền kinh tế: 200 nm

Vùng thêm lục địa: như xác định trong các quy định về diện tích vùng thêm lục địa hoặc phù hợp với các vùng biên giới đã được thoả thuận.

2. Điều kiện tự nhiên

Địa hình: hầu hết là đồi gò ghề và núi thấp; chỉ có một ít vùng đồng bằng ở phía đông và đông nam.

Điểm thấp nhất: Quần đảo Fens cao 4m.

Điểm cao nhất: Ben Nevis cao 1.343 m.

Tài nguyên thiên nhiên: than đá, dầu mỏ, khí ga tự nhiên, quặng sắt, chì, kẽm, vàng, thiếc, đá vôi, muối, đất sét, đá phan, thạch cao, kali cacbonat, cát silic, đá phiến, đất trồng trọt

Sử dụng đất:

Diện tích đất trồng trọt: 23,23%

Diện tích đất thường xuyên dùng để trồng trọt, cày cấy: 0,2%

Đất khác: 76,57% (2005)

Đất ruộng: 1.700 km² (ước 2003)

3. khí hậu

Khí hậu: ôn hoà; có sự điều hoà bởi các luồng gió tây nam và luồng gió Bắc Đại Tây Dương; hầu hết trong ngày thời tiết u ám.

Thiên tai: thường có bão vào mùa đông và lũ lụt

4. Xã hội

Dân số: 62.348.447 người (ước đạt vào tháng 7/2010)

Cơ cấu độ tuổi:

0-14 tuổi: 16,7% (nam 5.233.756 / nữ 4.986.131)

15-64 tuổi: 67,1% (nam 20.774.192 / nữ 20.246.519)

65 tuổi trở lên: 16,2% (nam 4.259.654 / nữ 5.612.953) (2010).

Độ tuổi trung bình: Tổng cộng: 39,8 tuổi.

Nam: 38,6 tuổi.

Nữ: 40,9 tuổi. (ước năm 2010).

Tỷ lệ tăng trưởng dân số: 0,563% (ước năm 2010)

Tỷ lệ trẻ em sinh ra: 12,34 trẻ em/1.000 dân (ước năm 2010)

Tỷ lệ tử: 9,33 người/1.000 dân (ước năm 2010)

Tỷ lệ nhập cư: 2,17 người/1.000 dân (ước năm 2008)

Cơ cấu giới tính: 0,98 nam/nữ

Tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh: 4,69/1.000 trẻ sinh ra, trong đó:

Nam: 5,15/1.000 trẻ sinh ra

Nữ: 4,2/1.000 trẻ sinh ra (ước năm 2010)

Tuổi thọ trung bình: 79,92 tuổi, trong đó:

Nam: 77,84 tuổi

Nữ: 82,11 tuổi (ước năm 2010)

Tỷ lệ sinh: 1,92 con/phụ nữ (ước năm 2010)

Dân tộc: da trắng (người Anh 83,6%; người Scotland 8,6%; người xứ Wales 4,9%; người Bắc Ireland 2,9%) 92,1%; da đen 2%; Ấn Độ 1,8%; Pakistan 1,3%; hỗn hợp 1,2%; các dân tộc khác 1,6%

Tôn giáo: Đạo Cơ đốc (Anglican, Thiên chúa giáo, Giáo hội trưởng lão, hội Giám lý) 71,6%; Hồi giáo 2,7%; đạo Hindu 1%; các đạo khác 1,6%, không theo tôn giáo hoặc tôn giáo khác 23,1% (điều tra năm 2001)

Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng xứ Wales (khoảng 26% dân số xứ Wales), tiếng Scotland kiểu Xentơ (khoảng 60.000 người ở Scotland)

Tỷ lệ biết chữ: 99% (ước năm 2003). Trong đó: Nam 99%; Nữ 99%.

5. Thể chế và cơ cấu hành chính

Thể chế nhà nước: quân chủ lập hiến

Hiến pháp: bất thành văn; một phần đạo luật, một phần thông luật và thực tế.

Phân chia hành chính:

Đứng đầu nhà nước: Nữ hoàng Elizabeth II (từ 6/2/1952); Người thừa kế hiện tại Hoàng tử Charles (con trai nữ hoàng, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1948)

Đứng đầu chính phủ: Thủ tướng David Cameron (11/5/2010)

Nội các: Hội đồng bộ trưởng do Thủ tướng chỉ định

Bầu cử: không bầu cử; hoàng gia do thừa kế; sau các cuộc bầu cử lập pháp, người đứng đầu đảng đa số hoặc lãnh đạo liên minh đa số thường là thủ tướng.

Cơ quan lập pháp: Quốc hội Anh được cấu thành bởi 3 thành phần: Vua (hay Nữ hoàng), Thượng viện và Hạ viện, và cả ba thành phần chỉ họp chung trong những sự kiện đặc biệt (như khi Nữ hoàng khai mạc Quốc hội mới) và chỉ mang ý nghĩa tượng trưng. Mỗi viện đều có các uỷ ban đảm nhiệm các công việc khác nhau. Hạ viện là cơ quan duy nhất được dân bầu và trên thực tế là cơ quan lập pháp chủ yếu.

Thượng viện (House of Lords): Còn gọi là Viện Nguyên lão, hiện có 618 nghị sỹ, nhiệm kỳ 5 năm, gồm các Thượng nghị sỹ cha truyền con nối có dòng dõi quý tộc và Hoàng gia, Thượng nghị sỹ là những chức sắc quan trọng của Giáo hội Anh, và những chính khách có công lao lớn với đất nước. Chính phủ Công đảng hiện đang tiến hành cải cách Thượng viện theo hướng xoá bỏ chế độ cha truyền con nối, thay vào đó là cử những người có công với đất nước được Nữ hoàng phong cấp.

Hạ viện (House of Commons): Là Cơ quan lập pháp gồm 650 nghị sỹ, được bầu theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 5 năm. Chức năng chính là thông qua các đạo luật, chủ trương, chính sách lớn về kinh tế, xã hội, chính trị đối nội và đối ngoại, giám sát hoạt động của chính phủ. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, Đảng Bảo thủ và Công Đảng thay nhau chiếm đa số trong Hạ Viện. Tuy nhiên, sau bầu cử ngày 6/5/2010, lần đầu tiên trong 70 năm, Anh có chính phủ liên minh giữa Đảng Bảo thủ và Đảng Dân chủ Tự do. Đảng Bảo thủ chiếm 306 ghế, Công đảng chiếm 258 ghế và Đảng Dân chủ Tự do chiếm 57 ghế. Ngoài ra còn các đảng nhỏ khác như Đảng Dân chủ Hợp nhất, và các đảng mang tính chất địa phương như đảng Plaid Cymru ở Xứ Uên, đảng Quốc gia Scot ở Scotland, đảng Sinn Fein ở Bắc Ai-len... chiếm 28 ghế.

Cơ quan hành pháp: Thượng nghị viện (Toà phúc thẩm cao nhất; một số Thượng nghị sỹ thuộc các Toà phúc thẩm do quốc vương chỉ định); Toà án tối cao Anh, xứ Wales và Bắc Ireland (bao gồm toà phúc thẩm, Toà tư pháp tối cao và Toà án hoàng gia); Toà án tối cao và Toà tư pháp Scotland.

Các đảng phái chính trị và lãnh đạo:

- Đảng hợp nhất và bảo thủ (David Cameron)
- Đảng hợp nhất dân chủ (Bắc Ireland) (Peter Robinson)
- Đảng Lao động (Gordon Brown)
- Đảng dân chủ tự do (Nick Clegg)
- Đảng xứ Wales (Plaid Cymru) (Ieuan Wyn Jones)
- Đảng Quốc gia Scotland hoặc SNP (Alex Salmond)
- Sinn Fein (Bắc Ireland) (Gerry Adams)
- Đảng Lao động và dân chủ xã hội hoặc SDLP (Bắc Ireland) (Mark Durkan)
- Đảng hợp nhất Ulster (Bắc Ireland) (Ngài Reg Empey)

Các nhóm hoạt động chính trị và lãnh đạo: Chiến dịch cắt giảm vũ khí hạt nhân; Nghiệp đoàn Công nghiệp Vương quốc Anh; Hiệp hội Nông dân quốc gia; Ủy ban liên kết thương mại.

Tham gia các tổ chức quốc tế: AfDB, AsDB, Australia Group, BIS, C, CBSS (quan sát viên), CDB, CE, CERN, EAPC, EBRD, EIB, ESA, EU, FAO, G- 5, G- 7, G- 8, G-10, IADB, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, ICCT, ICFTU, ICRM, IDA, IEA, IFAD, IFC, IFRCs, IHO, ILO, IMF, IMO, IMSO, Interpol, IOC, IOM, ISO, ITSO, ITU, MIGA, MONUC, NAM (khách mời), NATO, NEA, NSG, OAS (quan sát viên), OECD, OPCW, OSCE, Paris Club, PCA, PIF (thành viên), SECI (quan sát viên), UN, Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, UNAMSIL,

UNCTAD, UNESCO, UNFICYP, UNHCR, UNIDO, UNITAR, UNMIK, UNMIL, UNMOVIC, UNOMIG, UNRWA, UPU, WCO, WEU, WHO, WIPO, WMO, WTO, ZC.

6. Hệ thống pháp luật

Nguồn của hệ thống pháp luật Anh bao gồm Án lệ, luật thành văn, tập quán và lễ phải, trong đó chủ yếu là án lệ, nó là phân lập luận trong các bản án và được coi là có tính bắt buộc.

Hệ thống toà án Anh được phân chia thành toà án cấp trên và toà án cấp dưới. Toà án cấp trên bao gồm toà phúc thẩm và sơ thẩm; Trong phúc thẩm có toà phúc thẩm dân sự và toà phúc thẩm hình sự. Đối với toà sơ thẩm bao gồm toà công lý cấp cao và toà án triều đình, đối với toà án công lý cấp cao có toà án nữ hoàng, Toà án pháp quan và toà án gia đình; đối với toà án triều đình chỉ xét xử các vụ án nghiêm trọng. Toà án cấp dưới bao gồm toà hình sự, toà dân sự và toà hành chính. Ngoài ra còn có toà án tối cao Anh bao gồm Ủy ban phúc thẩm thượng nghị viện và Hội đồng cơ mật hoàng gia. Anh không có việc công tố, Bộ Tư pháp, bởi họ cho rằng sự có mặt của viện công tố thể hiện sự bất bình đẳng giữa bên buộc tội và bị buộc tội trong vụ án hình sự...

7. Lịch sử

Anh đã tồn tại một thể chế thống nhất từ thế kỷ thứ 10. Sự thống nhất giữa Anh và xứ Wales bắt đầu từ năm 1284 với đạo luật Rhuddlan, đến năm 1536 được chính thức hoá với Đạo luật thống nhất. Trong một Đạo luật thống nhất khác năm 1707, Anh và Scotland thống nhất hợp nhất vĩnh viễn thành đảo Anh. Hợp nhất về mặt pháp lý giữa đảo Anh và Ireland được thực hiện vào năm 1801 và thông qua tên Liên hiệp Vương quốc Anh. Hiệp ước Anglo – Irish năm 1921 chính thức công nhận một phần của Ireland; sáu tỉnh phía bắc của Ireland trở thành một phần của Vương quốc Anh và gọi là Bắc Ireland. Năm 1927 tên Vương quốc Anh được thông qua.

Nước Anh (Great Britain), nền kinh tế công nghiệp và hàng hải thống trị của thế kỷ 19, đóng vai trò hàng đầu trong phát triển nền dân chủ nghị viện và trong việc thúc đẩy sự tiến bộ của văn học và khoa học. Thời kỳ hoàng kim, Đế quốc Anh chiếm lĩnh hơn một phần tư bề mặt trái đất. Nửa đầu thế kỷ 20, sức mạnh của nền quân chủ này giảm trong hai cuộc chiến tranh thế giới. Nửa sau chứng kiến sự tàn lụi của đế quốc Anh và Vương quốc Anh tái xây dựng thành một nước châu Âu hiện đại và giàu có. Là một trong năm quốc gia thành viên của Ủy ban an ninh Liên hợp quốc, một thành viên sáng lập của NATO, và thuộc khối thịnh

vượng chung, Anh theo đuổi cách tiếp cận toàn cầu đối với chính sách ngoại giao; nước này hiện đang tăng cường hội nhập với lục địa châu Âu. Là một thành viên của EU, nước này vẫn đang nằm ngoài khu vực tiền tệ và kinh tế chung. Sự cải cách hiến pháp cũng là một vấn đề quan trọng ở Anh. Nghị viện Scotland, Quốc hội xứ Wales và quốc hội Bắc Ireland được thiết lập năm 1999, tuy nhiên quốc hội Bắc Ireland hiện đang tạm ngừng hoạt động do những tranh cãi về tiến trình hoà bình.

8. Văn hóa

Nước Anh là một trong những nước có tiềm năng văn hóa, khoa học-công nghệ lớn nhất thế giới. Đất nước này đã sản sinh ra nhiều nhà khoa học, nhà kinh tế, nhà văn nổi tiếng thế giới; họ được xếp vào hàng ngũ những vĩ nhân của nhân loại. Về khoa học có các nhà khoa học như Niu-tơn (Newton, 1642-1727); Đắc-uyn với học thuyết tiến hóa của loài ngư ời (Darwin, 1809-1892), nhà kinh tế học A-đam Xmit (Adam Smith, 1723-1790) và Đ. Ri-các-đô (David Ricardo, 1772- 1823 nhà xã hội học tưởng Rô-be Ô-oen (Rober Owen 1771-1858)... và nhà thơ lãng mạn tiến bộ lớn Bai-rơn (1788-1824), nhà văn hiện thực phê phán lớn Đích-ken (1812-1870), nhà viết kịch nổi tiếng Sếch-xpia (1564-1616).

Số người biết đọc biết viết chiếm trên 99%. Giáo dục bắt buộc miễn phí 11 năm (từ 5 đến 16 tuổi), có cả hệ thống trường công và trường tư.

Ở Anh có nhiều trường đại học nổi tiếng, đào tạo nhiều nhân tài khoa học cho nhiều nước trên thế giới. Hai trường nổi tiếng thế giới và có lịch sử lâu đời nhất là Oxford và Cambridge (từ thế kỷ XII). Sinh viên tốt nghiệp hóa trường này thường được giữ các cương vị quan trọng trong hệ thống chính quyền và ngành kinh doanh.

Mọi người dân được chăm sóc sức khỏe miễn phí, trừ bệnh nha khoa (trẻ em, người già và phụ nữ mang thai được miễn phí hoàn toàn). Tuổi thọ trung bình đạt 77,66 tuổi, nam: 75, nữ: 81 tuổi.

Những danh thắng dành cho du lịch, nghỉ ngơi và giải trí: Tại Luân Đôn có bảo tàng Anh, tu viện Xanh Pôn, Tháp đồng hồ Bíc Ben, cung điện Búc-kinh-ham, Nhà khánh tiết, Quảng trường Tơ.ran-xphơ-gơ, các thành phố Oóc-xphốt (Oxford), Cam-bờ-giơ (Cambridge), Man-che-xtơ (Manchester), Gơ-la-xgâu (Glasgow)...

9. Giáo dục

Tại Anh Quốc, tất cả trẻ em từ 5 đến 16 tuổi đều phải đi học, hoặc là trường công hoặc là trường tư phải đóng tiền. Ban đầu là nhà trẻ, trường cấp 1, sau đó là trường cấp 2 hay còn gọi là trường phổ thông hỗn hợp có nhiều chương trình và thời gian học khác nhau. Các em từ 7 đến 13 tuổi sẽ học tại các trường nội trú,

hay còn gọi là trường trung học cơ sở và sẽ chuyển lên học trung học phổ thông khi đến độ tuổi 11 đến 13. Học sinh sẽ học nhiều môn để chuẩn bị cho kỳ thi lấy chứng chỉ tốt nghiệp phổ thông trung học (GCSE) hoặc chứng chỉ Scottish Standard Grade vào năm 16 tuổi. Sau khi kết thúc các khoá học này, các em có thể học tiếp khoá học lấy chứng chỉ A (A-level), học dự bị đại học hoặc theo học 2 năm (không bắt buộc) tại các trường theo hướng học nghề học thuật hay còn gọi là các trường “6th form” trước khi vào đại học.

Thông thường học đại học ở Anh là 3 năm, sinh viên sẽ nhận được bằng Cử nhân về các môn khoa học xã hội (BA) cho các ngành như ngôn ngữ, nghệ thuật, khoa học xã hội; Cử nhân Khoa học (BSC) cho các bộ môn khoa học và Cử nhân Kỹ thuật (BEng) cho các ngành liên quan đến kỹ thuật và công nghệ.

Có hơn 20.000 khoá đào tạo sau đại học ở Anh Quốc về rất nhiều chuyên ngành khác nhau, các khoá học thường có thời gian ngắn, từ chín tháng đến hai năm. Các chương trình Thạc sỹ nghiên cứu nguyên lý (Mphil), thạc sỹ khoa học xã hội (MA) và Khoa học nghiên cứu (MSc) có thể kéo dài từ 1 đến 3 năm. Khoá tiến sỹ là một chương trình nghiên cứu từ 3 năm trở lên.

10. Ngày nghỉ và lễ hội

1 tháng 1: Tết dương lịch

Tháng 3/ 4: Thứ 2 Lễ Phục sinh

Tháng 3/4: Thứ 6 Tuần thánh

Ngày thứ 2 cuối cùng của tháng 5: Ngày hội mùa xuân

Ngày thứ 2 cuối cùng của tháng 8: Ngày hội mùa hè

25 tháng 12: Giáng sinh

26 tháng 12: Ngày tặng quà

PHẦN 2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ, THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

1. Kinh tế

1.1. Tổng quan tình hình phát triển kinh tế

Anh có nền kinh tế và trung tâm tài chính hàng đầu, và là một trong bốn nền kinh tế tỷ tỷ đô của Tây Âu và hiện là nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới, thứ 2 châu Âu (sau Đức). Trong hai thập kỷ qua, chính phủ Anh đã giảm đáng kể sở hữu nhà nước và đạt được sự tăng trưởng về các chương trình phúc lợi xã hội.

Nền nông nghiệp chuyên sâu, cơ khí hoá cao và hiệu quả theo các tiêu chuẩn châu Âu, sản xuất khoảng 60% nhu cầu về thực phẩm với dưới 2% lực lượng lao động. Anh có nguồn than, khí ga tự nhiên và dự trữ dầu lớn; ngành sản xuất năng lượng thiết yếu chiếm 10% GDP, một trong những tỷ lệ cao nhất ở bất kỳ quốc gia công nghiệp nào. Việc giá dầu leo thang lên tục và nhều khả năng vẫn tăng giá trong thời gian sắp tới là một điều kiện thuận lợi cho các nhà xuất khẩu dầu mỏ của Anh. Các ngành dịch vụ, đặc biệt là ngân hàng, bảo hiểm và dịch vụ thương mại, chiếm tỷ lệ lớn tiếp theo trong GDP trong khi công nghiệp đang tiếp tục giảm tầm quan trọng.

Nước Anh chịu ảnh hưởng nặng nề từ tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt đầu từ quý III/2008 tuy nhiên đã có dấu hiệu phục hồi trong quý IV/2009 và quý I/2010. Tỷ lệ thất nghiệp tăng liên tục từ 5,2% trong năm 2008 lên đến 8,0% trong tháng 3/2010. Để đối phó với cuộc khủng hoảng tài chính, Chính phủ Anh thực hiện một thực hiện nhiều biện pháp đối phó bao gồm gói kích thích tài chính, tái cấp vốn ngân hàng, và các chương trình kích cầu tín dụng...

1.2. Các ngành kinh tế trọng điểm

Ngành dịch vụ chiếm hơn 70% trong tổng giá trị GDP của Anh trong đó ngân hàng, bảo hiểm và dịch vụ tài chính kinh doanh là 3 ngành phát triển mạnh nhất. Bên cạnh đó ngành chế tạo máy cũng tăng nhanh từ đầu những năm 80 chủ yếu dựa vào công nghệ tiên tiến và chính sách thuế thuận lợi.

Ngành viễn thông ở Anh được coi là ngành tự do nhất ở Châu Âu do đó đã tạo ra nhiều cơ hội “béo bở” cho các nhà sản xuất thiết bị cũng như các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Thương mại

Về thương mại, thị trường chủ yếu của Anh là EU, chiếm khoảng 53% tổng xuất khẩu và 52% tổng nhập khẩu của Anh; sau đó đến Mỹ, Nhật, Trung Quốc. Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Anh tính theo đầu người cao hơn Mỹ, Nhật.

3. Đầu tư

Anh đứng thứ 3 thế giới về đầu tư ra nước ngoài, đồng thời là nước nhận đầu tư lớn thứ ba sau Mỹ (2010). Mức tăng trưởng GDP giảm trong thời kỳ 2006-2010 do sự suy giảm toàn cầu, giá trị đồng bảng cao và sự bùng nổ bong bóng của kinh tế mới trong sản xuất và xuất khẩu. Anh được coi là một trong những nền kinh tế mạnh nhất châu Âu; tỷ lệ lạm phát, lãi suất và tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức thấp. Hoạt động kinh tế tương đối tốt làm phức tạp thêm cho tiến trình của chính phủ Blair để Anh gia nhập Khối tiền tệ và kinh tế chung Châu Âu (EMU). Các số liệu cho thấy kinh tế nước này đang tiến triển tốt ngoài khu vực EMU, và các cuộc trưng cầu ý dân tiếp tục cho thấy phần lớn người Anh vẫn phản đối đồng euro. Sau khi tiếp quản vị trí của chính quyền Tony Blair, chính quyền của thủ tướng Brown đang đẩy nhanh sự cải thiện giáo dục, các dịch vụ y tế và nhà ở bằng cách đánh thuế cao hơn và một chính sách thâm hụt công cộng mở rộng. Mặt khác, ông cũng theo đuổi chính sách giữ Anh độc lập với khu vực đồng tiền chung châu Âu.

4. Cơ sở hạ tầng kinh tế

Thông tin liên lạc.

Số đường điện thoại chính đang sử dụng: 32,117 triệu (2010).

Số đơn vị điện thoại di động: 80,375 triệu (2010).

Hệ thống điện thoại: hệ thống quốc tế và nội địa được sử dụng kỹ thuật tiên tiến.

Nội địa: tỷ lệ sử dụng bằng nhau giữa dây cáp ngầm, sóng radio và các hệ thống cáp quang.

Các tần số sóng radio: AM 219, FM 431, sóng ngắn 3 (1998).

Mã Internet quốc gia: .uk.

Số người sử dụng Internet: 51,444 triệu người (2010).

Hệ thống giao thông.

Sân bay: 505 (2010).

Sân bay có bãi đáp được lát: tổng số: 306. Bãi đáp hơn 3 947m: 9 sân bay; từ 2 438m đến 3 047m: 32 sân bay; từ 1 524m đến 2 437m: 124 sân bay; từ 914m đến 1 523m: 77 sân bay; dưới 914m: 64 sân bay. (2010).

Sân bay có bãi đáp không được lát: tổng số 199. Bãi đáp từ 2 438m đến 3 047m: 1 sân bay; từ 1 524m đến 2 437m: 3 sân bay; từ 914m đến 1 523m: 22 sân bay; dưới 914m: 173 sân bay. (2010).

Nơi đáp trực thăng: 11 (2010).

Đường sắt: 16 567 km. Đường sắt khổ rộng: 303 km khổ 1,6m (ở Bắc Ireland).

Đường sắt tiêu chuẩn: 16 264km khổ 1,435m (với 5 361 đường ray điện). (2006)

Đường bộ: 394.428 km (bao gồm 3 520 km đường cao tốc) (.

Đường thủy: 3.200 km (hầu hết hàng hoá được chuyên chở trên sông Rhine; Kênh đào Main-Danube nối biển Bắc với biển Đen) (620km dùng cho thương mại) (2010).

Đường ống: khí 7.992 km; dầu mỏ và khí hóa lỏng 59 km; dầu 699 km; các sản phẩm tinh chế 4.417 km (2010)

Cảng và hải cảng: Hound Point, Immingham, Milford Haven, Liverpool, London, Southampton, Sullom Voe, Teesport

Tàu buôn:

Tổng cộng: 512 tàu (trọng tải trên 1.000 GRT).

- Theo loại: tàu lớn 30, tàu chở hàng 70, chuyên chở 3, tàu chở thùng hoá chất 71, tàu container 190, ga hoá lỏng 10, chở khách 7, chở khách/hàng 67, thùng dầu 20, hàng đông lạnh 6, roll on/ roll off 29, chở xe 24

- Sở hữu nước ngoài: 242 (Australia 1, Cyprus 1, Denmark 61, Phần Lan 1, Pháp 9, Đức 71, Hy Lạp 6, Hong Kong 2, Ireland 1, Italy 4, Nhật 1, Hà Lan 2, NZ 1, Na Uy 33, Nam Phi 4, Thụy Điển 19, Thụy Sĩ 1, Đài Loan 11, Thổ Nhĩ Kỳ 2, US 11) (số liệu năm 2007).

5. Các chỉ số kinh tế, thương mại và đầu tư cơ bản

GDP (ngang giá sức mua): 2,189 nghìn tỷ \$ (ước 2010)..

GDP (theo tỷ giá chính thức): 2,259 nghìn tỷ \$ (ước 2010).

GDP (tỷ lệ tăng trưởng thực tế): 1,6% (ước 2010)

GDP (trên đầu người): ngang giá sức mua: 35.100 \$ (ước 2010)

GDP – phân bổ theo ngành: Nông nghiệp: 0,9%

Công nghiệp: 22,1%

Dịch vụ: 77,0% (ước 2010)

Lực lượng lao động: 31,45 triệu (ước 2010)

Lực lượng lao động – theo ngành: nông nghiệp 1,4%; công nghiệp 18,2%; dịch vụ 80,4%(ước 2010)

Tỷ lệ thất nghiệp: 7,9% (ước 2010)

Tỷ lệ dưới mức đói nghèo: 14% (ước 2010)

Thu nhập hộ gia đình hay tiêu dùng tính theo tỷ lệ %: 10% thấp nhất: 2,1%
10% cao nhất: 28,5%.

Hệ số Gini: 34 (2010)

Tỷ lệ lạm phát (giá cả tiêu dùng): 3,3% (2010)

Đầu tư: 14,4% GDP (2009)

Ngân sách: doanh thu: 881,7 tỷ \$

Chi phí: 1.126 tỷ \$ (ước 2009)

Nợ quốc gia: 76,5% GDP (ước 2010)

Các sản phẩm nông nghiệp: ngũ cốc, hạt có dầu, khoai tây, rau, gia súc, cừu, gia cầm, cá.

Các ngành công nghiệp: công cụ máy, thiết bị điện, thiết bị tự động, thiết bị đường ray, đóng tàu, máy bay, xe gắn máy và linh kiện, thiết bị điện tử và thông tin liên lạc, kim loại, hoá chất, than đá, dầu khí, giấy và sản phẩm giấy, chế biến thực phẩm, dệt may, vải vóc, và các mặt hàng tiêu dùng khác

Tỷ lệ tăng trưởng sản xuất công nghiệp: 1,9% (ước 2010)

Kim ngạch xuất khẩu: 405,6 tỷ\$ FOB (ước 2010)

Hàng xuất khẩu: hàng chế tạo, nhiên liệu, hoá chất, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá

Đối tác xuất khẩu : Mỹ 14,71%, Đức 11,06%, Pháp 8%, Hà Lan 7,79%, 6,89% Ireland, Bỉ 4,65%, Tây Ban Nha 4% (2010)

Kim ngạch nhập khẩu: 546,5 tỷ\$ FOB (ước 2010)

Hàng nhập: hàng chế tạo, máy móc, nhiên liệu, thực phẩm

Đối tác nhập khẩu: Đức 12,87%, Mỹ 9,74%, Trung Quốc 8,88%, Hà Lan 6,94%, Pháp 6,64%, Bỉ 4,86%, 4,84% Na Uy, Ireland 4,01%, Italy 3,99% (2010).

Dự trữ vàng và ngoại hối: 66,72 tỷ (ước năm 2010)

Nợ nước ngoài: 8,981 nghìn tỷ \$ (30/6/2010)

Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Anh: 1,169 nghìn tỷ \$ (ước 2010)

Đầu tư trực tiếp từ Anh ra nước ngoài: 1,705 nghìn tỷ % (ước 2010).

Tiền tệ: bảng Anh (GBP)

Năm tài chính: 6 tháng 4 – 5 tháng 4

Tỷ giá: Bảng Anh (GBP) / USD: 0,6504 (2010); 0,6494 (2009); 0,5302 (2008); 0,4993 (2007); 0,5418 (2006); 0,5493 (2005).

6. Quan hệ quốc tế

Trong quá khứ, Anh là đế quốc có nhiều thuộc địa, hiện Anh vẫn là nước đứng đầu khối Thịnh vượng chung gồm 48 nước và còn nhiều ảnh hưởng đến các nước thuộc địa, phụ thuộc cũ. Anh dựa vào Mỹ và lệ thuộc Mỹ về nhiều mặt, nhất là chính trị quốc tế. Anh là thành viên quan trọng trong khối NATO, thành viên trong EU. Anh có quan hệ ngoại giao với 165 nước. Vị trí của Anh là "cường quốc thương mại và nằm giữa hệ thống các liên minh như Liên hiệp châu Âu, NATO, LHQ, Khối Thịnh vượng chung và G8, đồng thời tiếp tục hợp tác chặt chẽ với hai bờ Đại tây dương nhằm xây dựng một châu Âu ổn định hơn, an toàn hơn. Trong cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố ở Iraq mà liên quân do Mỹ đứng đầu tiến hành, Anh là một thành viên tham gia tích cực trong liên quân ngay từ đầu. Tuy nhiên, sự hoài nghi về tính hiệu quả và bản chất của cuộc chiến đã khiến cho chính quyền của cựu thủ tướng Tony Blair mất đi nhiều sự ủng hộ trong dân chúng. Người dân Anh hy vọng, thủ tướng kế nhiệm Gordon Brown sẽ thực hiện một chính sách đối ngoại bớt phụ thuộc vào Mỹ hơn trước, tập trung phục hồi kinh tế và cải tổ Công đảng.

Anh đang đẩy mạnh quan hệ với các nước ASEAN và châu Á. Đây là khu vực Anh có nhu cầu củng cố vai trò và vị trí của mình tại các thuộc địa cũ và các nước này còn bị ảnh hưởng nhiều về chính trị, kinh tế và văn hóa của Anh. Chuyến công du châu Á thăm hai nước Trung Quốc và Ấn Độ của thủ tướng Gordon Brown trung tuần tháng 1/2008 thể hiện quyết tâm của chính phủ nước này thiết lập ảnh hưởng của mình tới khu vực châu Á. Trong bối cảnh quan hệ Nga-Anh không còn nồng ấm và ấn tượng của cộng đồng thế giới về sự phụ thuộc của Anh vào Mỹ trong vấn đề đối ngoại, cái bắt tay với hai nước châu Á nhiều khả năng sẽ có những ảnh hưởng lớn tới không chỉ kinh tế, thương mại mà cả an ninh và sự phát triển chung của toàn cầu trong tương lai là điểm mới trong chính sách đối ngoại của Anh dưới thời của thủ tướng David Cameron.

PHẦN 3. QUAN HỆ HỢP TÁC VIỆT NAM – VƯƠNG QUỐC ANH

1 Quan hệ ngoại giao

Việt Nam và Anh thiết lập quan hệ ngoại giao cấp đại sứ ngày 11/9/1973. Hiện nay quan hệ Việt-Anh có thể nói đang phát triển khá rộng trên nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục, quốc phòng... Anh đã ký với ta hầu hết các hiệp định kinh tế khung; dự kiến đưa Việt Nam thành một trong những nước nhận viện trợ ODA hàng đầu trong khu vực; cam kết ủng hộ ta sớm gia nhập WTO, tăng cường quan hệ với EU và ứng cử ghế Ủy viên không thường trực HĐBA LHQ khoá 2008-09. Chuyến thăm chính thức Vương quốc Anh của Chủ tịch nước Trần Đức Lương tháng 5/2004 đánh dấu một mốc phát triển quan trọng trong quan hệ hai nước. Môi quan hệ này ngày càng phát triển tốt đẹp giữa Vương quốc Anh và Việt Nam. Đặc biệt kể từ sau chuyến thăm vương quốc Anh đầu tiên của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng hồi đầu tháng 3/2008.

- Trao đổi đoàn :

Phía ta: Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm Anh 1993; Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh 1994; Thủ tướng Phan Văn Khải dự ASEM-2 1998; Phó Thủ tướng Vũ Khoan 2003; Bộ trưởng Nguyễn Dy Niên 1998, 2003; các Bộ trưởng Kế hoạch Đầu tư, Giáo dục..., nhiều Thứ trưởng, Chủ tịch tỉnh và thành phố của ta đã thăm Anh. Tháng 5/2004, Chủ tịch nước Trần Đức Lương thực hiện chuyến thăm chính thức theo lời mời của Nữ hoàng Anh. Gần đây nhất, tháng 3/2008, thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng dẫn đầu phái đoàn cấp cao sang Anh thảo luận với thủ tướng Gordon Brown và các bộ trưởng về năm vấn đề: Vấn đề thương mại, kinh tế, đầu tư; phát triển giao thông nông thôn và phòng chống HIV/AIDS tại Việt Nam; hợp tác quan hệ quốc tế; giáo dục đào tạo; vấn đề di cư và phòng chống tội phạm có tổ chức.

Phía Anh: Công chúa Anne 2 lần 1995, 2002, Hoàng Tử Xứ York Andrew 1999; lãnh đạo cao cấp nhất: Phó Thủ tướng J.Prescott 2001; Ngoại trưởng 1995 và 1997; các Bộ trưởng và Quốc vụ khanh Tài chính, Hợp tác phát triển, thương mại; Ủy ban HTPT Hạ viện; Thị trưởng London, ...

2 Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại

Các Thoả thuận và Hiệp định đã ký kết:

- Chương trình trợ giúp kỹ thuật cho Việt Nam (10 triệu Bảng cho 13 dự án nghiên cứu khả thi về sửa chữa hệ thống cầu trên quốc lộ 1A) ký 7/1993.

- Chương trình hồi hương người Việt Nam ra đi bất hợp pháp sang Hồng Kông (100 triệu USD thông qua EU cho giai đoạn 1991-92).
- Hiệp định vận tải hàng không ký 19/8/1994 (sửa đổi lại năm 2001).
- Hiệp định khung về tài chính (50 triệu Bảng tín dụng ưu đãi, 35% cho không, 65% tín dụng thương mại) ký 15/9/1994. Chính phủ mới lên cầm quyền 5/1997 đã thay đổi mục đích sử dụng tín dụng, do đó Hiệp định này đã bị huỷ bỏ).
- Thoả thuận giải quyết nợ song phương (xoá 50% nợ, còn nợ 10,4 triệu Bảng) ký 10/1994.
- Hiệp định tránh đánh thuế trùng ký 9/4/1995.
- Thoả thuận về quy chế chuyên gia tư vấn kỹ thuật ký 1995.
- Thoả thuận Tài trợ tín dụng giảm nghèo (PRSC- Poverty Reduction Support Credit) đồng ký với WB và một số nước khác ngày 29/11/2001, trong đó Anh đóng góp 14 triệu Bảng Anh (trên 20 triệu USD).
- Hiệp định về quy chế và hoạt động của Hội đồng Anh tại Việt Nam (10/12/2001).
- Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư (1/8/2002).
- Hiệp định về tài sản ngoại giao ký tháng 9/2003.

Thương mại:

Quan hệ thương mại Việt Nam - Anh tăng nhanh từ những năm 90 đến nay. Trong 5 năm qua, xuất khẩu của Việt Nam sang Anh tăng từ 20-25%/năm, ta liên tục xuất siêu. Những mặt hàng xuất chủ yếu : giày dép (53%), dệt may (12%), chè và cà phê (8%), gạo (8%), thủy sản (3%), cao su... Những mặt hàng nhập khẩu chủ yếu từ Anh: hàng gia công chế biến và thiết bị công nghiệp (38%), hoá chất (21%), thiết bị viễn thông (6%), thuốc lá (3%)...Thương mại song phương Việt – Anh trong năm 2006-2007 vẫn giữ nhịp độ tăng trưởng cũ. Năm 2006, thương mại song phương Anh Việt đạt 1,8 tỷ \$; trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Anh 1,6 tỷ; Anh xuất khẩu sang Việt Nam chỉ trên 200 triệu. Năm 2007, kim ngạch thương mại giữa hai nước đạt mức cao, 2 tỷ USD. Năm 2008, kim ngạch thương mại giữa hai nước đạt 1,966 tỷ USD (trong đó Việt Nam xuất 1,58 tỷ USD; nhập 386 triệu USD). Năm 2009, kim ngạch thương mại hai chiều giảm nhẹ chỉ đạt 1,75 tỷ USD (trong đó Việt Nam xuất 1,33 tỷ USD; nhập 420 triệu USD). Tính đến hết tháng 10/2010 kim ngạch giữa hai nước đạt 1,744 tỷ USD (trong đó Việt Nam xuất 1,348 tỷ USD; nhập 396,75 triệu USD).

Trong những năm qua, xuất khẩu của Việt Nam sang Anh tăng trung bình 17%/năm, ta liên tục xuất siêu. Những mặt hàng xuất chủ yếu : giày dép (53%), dệt may (12%), chè và cà phê (8%), gạo (8%), thủy sản (3%), cao su... Những

mặt hàng nhập khẩu chủ yếu từ Anh: hàng gia công chế biến và thiết bị công nghiệp (38%), hoá chất (21%), thiết bị viễn thông (6%), thuốc lá (3%)...

Anh cam kết tiếp tục hỗ trợ Việt Nam tăng cường quan hệ kinh tế và thương mại với EU; ủng hộ EU sớm công nhận Việt Nam là nước có nền kinh tế thị trường. Hai bên sẽ nỗ lực nhằm đưa kim ngạch thương mại hai chiều đạt mức 4 tỷ USD và FDI của Anh vào Việt Nam đạt mức 3 tỷ USD vào năm 2013.

3. Hợp tác đầu tư và hợp tác phát triển

3.1 Hợp tác đầu tư

Mặc dù đứng ở vị trí khá khiêm tốn (14/81) trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam nhưng trong những năm qua, Anh duy trì vị trí là một trong những nước EU đầu tư vào Việt Nam mạnh nhất. Vương quốc Anh đứng thứ 3 trong tổng số 19 nước EU có đầu tư vào Việt Nam với 99 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký là 1,44 tỷ USD (số liệu năm 2007). Trong các dự án đầu tư của Vương quốc Anh vào Việt Nam, lĩnh vực công nghiệp chiếm 86% tổng vốn đăng ký đầu tư, trong đó lĩnh vực dầu khí đã chiếm 55% vốn đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp; lĩnh vực dịch vụ chiếm 11 % tổng vốn đăng ký đầu tư, còn lại là lĩnh vực nông – lâm nghiệp. Các nhà đầu tư Anh có mặt tại 18 địa phương trên cả nước. Dẫn đầu về thu hút vốn đầu tư từ Anh là Thành phố Hồ Chí Minh, chiếm 39% tổng vốn đầu tư và chiếm 36% tổng số dự án đầu tư. Vốn đầu tư của các nhà đầu tư Anh tập trung nhiều nhất theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổng vốn đầu tư là 688,1 triệu USD, chiếm 48% tổng vốn đầu tư đăng ký, tiếp theo là đầu tư theo hình thức 100% vốn nước ngoài với tổng vốn đăng ký là 601,2 triệu USD chiếm 42%.

Các công ty Anh vào Việt Nam sớm (1988-89) và tài nguyên thiên nhiên to lớn với trữ lượng năng lượng dầu khí lớn ở thềm lục địa biển Đông là nơi thu hút nhiều dự án lớn của các nhà đầu tư Anh. Cùng với đó, tình hình giá cả dầu mỏ tăng nhanh và không có dấu hiệu sẽ lấy lại mặt bằng giá cũ khiến cho lĩnh vực dầu khí trở thành mối quan tâm đặc biệt của các nhà đầu tư Anh vào Việt Nam. Cụ thể, công ty dầu khí BP-Amoco liên doanh với Statoil (Na Uy), Công ty Petro Vietnam trong Dự án Đường dẫn khí đốt và tiêu thụ khí đốt Nam Côn Sơn. Năm 2008, PetroVietnam ký hai thoả thuận với đối tác là công ty năng lượng Salamander về khả năng cùng tham gia hợp tác các dự án ở Lào; hợp tác với SOCO về tham gia dự án ở Congo. Ngoài ra, các công ty năng lượng lớn của Anh như Premier Oil, Soco, Salamander, Rolls Royce và nhiều công ty khác đã đầu tư vào VN hoặc đang tìm kiếm cơ hội đầu tư.

Về lĩnh vực tài chính, Ngân hàng Standard Chartered (xuất hiện tại Việt Nam từ 1904), HSBC (mở văn phòng đầu tiên tại Sài Gòn năm 1870) và Công ty Prudential (bắt đầu cung cấp bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam vào năm 1999) đều có mặt ở Việt Nam từ rất sớm và đạt được nhiều thành công cũng như gây dựng được uy tín cao trên thị trường Việt Nam. Công ty bảo hiểm nhân thọ Prudential có mặt tại Việt Nam từ 1994, chính thức hoạt động theo giấy phép đầu tư 100% vốn nước ngoài ngày 29/10/1999; thuê trên 5.000 lao động; bán bảo hiểm nhân thọ cho trên 200.000 người, dẫn đầu các công ty bảo hiểm nước ngoài hiện có mặt tại ta; doanh thu trên 1000 tỷ VNĐ năm 2001; là dự án đầu tư thành công nhất của Anh tại Việt Nam. Tháng 3/2008, sau HSBC, Standard Chartered chính thức được chấp nhận về mặt nguyên tắc thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam. Ngân hàng này cũng đã ký biên bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác giữa Standard Chartered với Ngân hàng công thương Việt Nam và với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trị giá 200 triệu USD.

Đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp Anh vào Việt Nam đạt 1,5 tỷ USD năm 2009, đưa nước này trở thành một trong những nhà đầu tư lớn nhất trong Liên minh châu Âu vào Việt Nam. Các công ty Anh đã và đang đầu tư thành công ở Việt Nam hiện nay có BP, Shell, Prudential và HSBC..

3.2 Hợp tác phát triển

Năm 1992, Chính phủ Anh bắt đầu nối lại viện trợ cho Việt Nam. Giai đoạn 1992-1998, Anh viện trợ không hoàn lại cho ta khoảng 20 triệu USD. Ngân sách viện trợ mà Chính phủ Anh dành cho Việt Nam cho hai năm 2003-2004 khoảng 40 triệu USD/năm; 2005/2006 sẽ tăng lên hơn 100 triệu USD/năm. Từ 2005, lần đầu tiên Anh đề nghị thực hiện phương thức hỗ trợ ngân sách trực tiếp cho các chương trình xóa đói giảm nghèo của Chính phủ ta. Anh hiện hỗ trợ Việt Nam giảm số hộ nghèo với việc viện trợ ít nhất 250 triệu bảng Anh giai đoạn 2006-2011. Với khoản viện trợ này, Anh trở thành nhà tài trợ không hoàn lại lớn nhất trong EU cho Việt Nam. Thủ tướng Gordon Brown đã đồng ý thông qua khoản viện trợ 100 triệu Bảng Anh hỗ trợ trực tiếp cho Chiến lược giảm nghèo đến năm 2011 của Việt Nam như một phần trong cam kết viện trợ 250 triệu Bảng Anh theo Kế hoạch Hỗ trợ Quốc gia mới của Bộ Phát triển quốc tế của Anh trong cùng giai đoạn đó.

Viện trợ của Chính phủ Anh phù hợp với các ưu tiên của Việt nam. Phương thức tài trợ linh hoạt, thể hiện ở sự điều chỉnh chính sách từ viện trợ hỗ trợ kỹ thuật và cung cấp tín dụng ưu đãi sang chỉ thuần túy viện trợ không hoàn lại theo các Chương trình ưu tiên cao của ta, điều chỉnh hình thức cung cấp tài chính từ song phương sang đa phương. Viện trợ của Anh thường không thực hiện riêng biệt mà

được lồng ghép, đồng tài trợ với các nhà tài trợ khác trong các chương trình lớn. Thủ tục cam kết tài chính song phương của Anh tương đối đơn giản.

Anh cam kết tiếp tục ưu tiên cấp ODA cho Việt Nam trong thời gian tới, tập trung vào các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, thực hiện các mục tiêu Thiên niên kỷ, trong đó đặc biệt chú trọng giáo dục tiểu học, phòng chống HIV/AIDS cũng như đối phó với biến đổi khí hậu.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Anh năm 2009 và 10 tháng năm 2010

STT	Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Trị giá (USD)	
			Năm 2009	1-:-10/2010
1	Hàng thủy sản	USD	89.222.175	83.257.662
2	Hàng rau quả	USD	2.988.773	3.010.572
3	Hạt điều	Tấn	34.477.266	37.375.532
4	Cà phê	Tấn	44.162.090	33.048.363
5	Hạt tiêu	Tấn	7.706.068	11.336.667
6	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD	6.609.043	6.483.300
7	Hóa chất	USD	1.375.305	3.578.721
8	Sản phẩm từ chất dẻo	USD	37.926.505	39.626.626
9	Cao su	Tấn	2.860.938	4.616.311
10	Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	USD	19.348.704	24.966.905
11	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	USD	5.484.482	5.611.734
12	Gỗ và sản phẩm gỗ	USD	162.748.045	149.237.800
13	Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD	581.230	199.009
14	Hàng dệt, may	USD	270.821.297	263.456.457
15	Giày dép các loại	USD	444.542.017	409.584.600
16	Sản phẩm gốm, sứ	USD	11.018.987	7.651.310
17	Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	USD	472.278	1.510.792
18	Sắt thép các loại	Tấn	37.519	62.547
19	Sản phẩm từ sắt thép	USD	14.730.833	18.979.021
20	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD	33.977.761	40.278.393
21	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD	22.764.420	19.396.072
22	Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD	2.637.737	30.127.503

**Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam từ Anh
năm 2009 và 10 tháng năm 2010**

STT	Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Trị giá (USD)	
			Năm 2009	1-:-10/2010
1	Hàng thủy sản	USD	7.686.551	7.071.881
2	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD	4.019.015	2.530.365
3	Hóa chất	USD	3.882.826	3.010.826
4	Sản phẩm hóa chất	USD	23.278.892	26.420.518
5	Nguyên phụ liệu dược phẩm	USD	2.376.350	1.963.852
6	Dược phẩm	USD	49.607.181	40.228.024
7	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	USD	13.883.959	22.100.870
8	Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	6.721.057	5.549.443
9	Sản phẩm từ chất dẻo	USD	7.001.568	5.798.831
10	Cao su	Tấn	3.397.077	971.567
11	Gỗ và sản phẩm gỗ	USD	548.935	789.873
12	Vải các loại	USD	8.114.691	7.872.506
13	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD	10.863.501	10.579.152
14	Sắt thép các loại	Tấn	4.809.760	1.097.288
15	Sản phẩm từ sắt thép	USD	9.639.936	13.437.222
16	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD	7.754.658	5.440.577
17	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD	110.700.590	111.839.949
18	Ô tô nguyên chiếc các loại	Chiếc	7.222.748	7.064.357
19	Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	USD	2.794.194	2.526.178

Nguồn: Tổng cục Hải Quan

**Kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Vương quốc Anh
2000 -:- 10/2010**

STT	Năm	Xuất khẩu (1000 USD)	Nhập khẩu (1000 USD)	Xuất nhập khẩu (1000 USD)
1	2000	479.277	150.458	629.735
2	2001	511.582	176.622	688.204
3	2002	570.797	166.568	737.365
4	2003	726.499	211.243	937.742
5	2004	1.011.372	219.284	1.230.656
6	2005	1.015.799	185.056	1.200.855
7	2006	1.179.695	201.304	1.380.999
8	2007	1.431.425	236.873	1.668.298
9	2008	1.581.045	386.292	1.967.337
10	2009	1.329.234	395.549	1.724.783
11	10/2010	1.347.508	396.750	1.744.258

PHẦN 4. MỘT SỐ ĐIỀU CẦN BIẾT KHI KINH DOANH VỚI ANH

1. Các quy định về xuất nhập khẩu

1.1 Chứng từ nhập khẩu

Các chứng từ phải xuất trình khi nhập khẩu bao gồm chứng từ hàng hoá và chứng từ thương mại.

Chứng từ hàng hoá gồm có:

- + Hoá đơn thương mại,
- + Vận đơn đường biển hoặc đường hàng không,
- + Phiếu đóng gói,
- + Các chứng từ bảo hiểm
- + Trong một số trường hợp cần phải xuất trình giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận vệ sinh dịch tễ.

Chứng từ thương mại phải đi kèm với hàng hoá để tránh chậm trễ trong việc thông quan nhập khẩu. Nước Anh không yêu cầu hình thức đặc biệt nào của hoá đơn nhưng hoá đơn phải kê khai chi tiết giá trị thực của hàng hoá. Ít nhất người

xuất khẩu phải gửi 2 bản sao hoá đơn cho người nhận hàng để làm thủ tục thông quan. Ở Anh không yêu cầu hoá đơn lãnh sự khi gửi hàng.

Chú ý các chứng từ sau:

- + Giấy chứng nhận xuất xứ: Giấy chứng nhận xuất xứ là yêu cầu bắt buộc đối với tất cả các sản phẩm nhập khẩu là hàng may mặc ngoại trừ những trường hợp sau: Hàng mẫu đã được đục lỗ, vali làm từ nguyên liệu vải dệt, túi sách làm từ vải bạt, hàng là quà tặng hoặc tài sản cá nhân.
- + Hoá đơn thương mại: Hoá đơn thương mại là bắt buộc đối với tất cả hàng hoá có giá trị lớn hơn 18 bảng Anh. Hoá đơn phải chỉ rõ các chi phí vận chuyển, bảo hiểm hay chi phí tương tự không kể đến các điều khoản Incoterms được áp dụng trong giao dịch.
- + Giấy chứng nhận về hàng nguy hiểm: Một số loại hàng hoá ngoài các chứng từ yêu cầu nêu trên còn phải xuất trình giấy chứng nhận về hàng hoá nguy hiểm (DG) như nước hoa, đồ uống, hoá chất.
 - + Mẫu giấy chứng nhận C3: áp dụng đối với hàng nhập khẩu là tài sản cá nhân để được miễn thuế.
 - + Mẫu giấy chứng nhận C2: áp dụng đối với hàng là thiết bị quân sự cá nhân tạm nhập để được miễn thuế.
- + Bản kê tổng trị giá (*General Valuation Statement*)

Bản kê tổng trị giá được áp dụng đối với tất cả hàng nhập khẩu có giá trị từ 6,500 bảng Anh trở lên. Có 3 mẫu để báo cáo giá. Mẫu thứ nhất là C150A. Mẫu này dùng cho người nhập khẩu không có liên quan gì đến người xuất khẩu và việc kê khai giá trị của những giao dịch để thông quan nhập khẩu. Mẫu thứ 2 là C150B dùng cho những giao dịch giữa các bên có liên quan nhưng giá trị giao dịch không là giá trị để tính thuế nhập khẩu. Mẫu thứ 3 là C109 là một bản kê định giá chung và được dùng để cung cấp những thông tin về việc định giá. Những thông tin này được hải quan giữ lại để tránh việc hoàn thành trùng lặp 2 mẫu 150A hoặc 150B cho mỗi lần nhập khẩu. Mẫu C109 thường được áp dụng cho những nhà nhập khẩu với số lượng lớn.

Tất cả chứng từ được dùng để thông quan nhập khẩu đều phải viết bằng tiếng Anh để quá trình thông quan được nhanh chóng và thuận lợi.

1.2 Các mặt hàng cấm nhập khẩu

- + Một số sản phẩm nông nghiệp nhất định
- + Ma túy
- + Chất nổ
- + Động vật mắc bệnh dại

- + Máy móc nông nghiệp đã qua sử dụng
- + Động vật, chim, gia súc
- + Xác động vật hoặc sản phẩm làm từ xác động vật
- + Các bệnh của động vật và các vi rút bệnh đại
- + Ong
- + Chim
- + Các chất gây ra ung thư
- + Chất CFCs
- + Điện thoại có tần suất hoạt động lớn hơn 853Mhz
- + Kem hoặc sản phẩm có chứa kem
- + Trứng, gia cầm
- + Phôi động vật và chim
- + Cá và các sản phẩm làm từ cá
- + Bột mì và thức ăn có nguồn gốc động vật
- + Lông động vật và len
- + Côn trùng
- + Động vật than mềm
- + Trứng thụ thai của động vật
- + Các chất huỷ hoại tầng ôzôn
- + Các giống, côn trùng gây hại cho động, thực vật
- + Gia cầm
- + Các virus gây bệnh đại
- + Tinh dịch của động vật
- + Đất có chất than bùn
- + Các sản phẩm cá heo
- + Gỗ và các sản phẩm gỗ chưa qua chế biến
- + Đồ uống có gas
- + Các chất gây bệnh truyền nhiễm

1.3 Các mặt hàng hạn chế nhập khẩu

Việc nhập khẩu sản phẩm có nguồn gốc từ sữa và động vật cho mục đích tiêu dùng bị cấm trừ khi có chứng thực của cơ quan thú y thuộc nước xuất khẩu đi kèm. Sữa, thức ăn cho trẻ sơ sinh và các loại thực phẩm đặc biệt dùng cho y tế có thể được nhập khẩu với điều kiện là sản phẩm đó không cần giữ lạnh trước khi mở ra dùng hay sản phẩm đó phải đóng gói bằng nhãn hiệu phù hợp để bán lẻ và bao bì của sản phẩm không bị hư hỏng.

1.4 Nhập khẩu hàng mẫu

Hàng mẫu được phép nhập khẩu vào Anh và được miễn thuế nhập khẩu cũng như thuế VAT miễn là đạt các yêu cầu sau:

- + Nếu hàng mẫu được đục lỗ: Hàng được đục lỗ phải có một lỗ lớn ở chỗ dễ nhìn nhất ở bên ngoài hàng hoá để chứng tỏ rằng hàng hoá chỉ được dùng làm hàng mẫu. Đó có thể là một lỗ nhỏ trên mặt trước của quần áo, trên cánh tay của áo sơ mi hay trên một chiếc giày để chứng tỏ hàng hoá này khác với hàng hoá tiêu dùng bán lẻ thông thường. Các chứng từ vận tải thường được sử dụng với hàng đục lỗ là hoá đơn thương mại trong đó nêu rõ hàng hoá là hàng mẫu đã được đục lỗ, không được bán hoặc dùng cho mục đích khác. §Ó nhập khẩu, không yêu cầu giấy chứng nhận nguồn gốc, chỉ yêu cầu vận đơn hàng không hoặc vận đơn đường biển và hoá đơn thương mại.
- + Nếu hàng mẫu là hàng hoá đánh dấu. Hàng mẫu đánh dấu được chấp nhận ở Anh miễn là hàng hoá này được đánh dấu một cách phù hợp nài bật bên ngoài hàng hoá và đánh dấu bằng một loại mực không xoá được. Mẫu có thể là từ “SAMPLE” được đánh dấu bằng một loại mực khác màu và theo cách mà có thể dễ dàng nhìn thấy khi kiểm tra. Chứng từ vận tải cần thiết thường là hoá đơn thương mại. Trong hoá đơn thương mại cần chỉ ra rằng hàng hoá là hàng mẫu đã được đánh dấu không được bán hoặc không được dùng vào mục đích khác. §Ó nhập khẩu hàng mẫu không yêu cầu giấy chứng nhận xuất xứ mà chỉ yêu cầu vận đơn đường hàng không hoặc đường biển và hoá đơn thương mại đi kèm.

Tất cả hàng hoá là hàng mẫu phải được đánh dấu hoặc đục lỗ một cách phù hợp để được miễn thuế nhập khẩu và thuế VAT. Tất cả hàng hoá không đáp ứng được loại chứng từ và cách đánh dấu nêu trên đều phải thông qua thủ tục nhập khẩu thông thường và bị đánh thuế nhập khẩu cũng như thuế VAT như hàng nhập khẩu thông thường.

2. Chính sách thuế và thuế suất

Vương quốc Anh là một trong những nền kinh tế có tỷ suất thuế doanh nghiệp thấp nhất trong liên minh châu Âu EU, các biện pháp phân bổ thuế tốt và không có các loại thuế địa phương đánh vào lợi nhuận hay giá trị gia tăng. Đồng thời đây cũng là nước có mạng lưới thỏa thuận song phương chính thức về thuế rộng khắp nhất thế giới. Một đặc điểm quan trọng của các thỏa thuận thuế này là cắt giảm thuế mà các doanh nghiệp trích ra từ cô tức, lãi và thu nhập của người lao động nộp cho chính phủ. Về thuế doanh nghiệp, mức thuế doanh nghiệp chuẩn ở Anh là 30% áp dụng cho cả doanh nghiệp nội địa và nước ngoài. Mức thuế này sẽ được giảm xuống còn 28% từ tháng 4/2008 và giảm xuống 21% đối với các công ty nhỏ có doanh thu ít hơn 300.000 GRB.

2.1 Thuế nhập khẩu

Biểu thuế của Anh hoàn toàn hài hoà với biểu thuế chung của EU. Tất cả những khoản thuế áp dụng trong giao dịch thương mại giữa 25 nước thành viên của EU

đều được xoá bỏ. Tuy nhiên hàng hoá nhập khẩu từ các nước không thuộc EU vào Anh thì phải chịu thuế nhập khẩu.

Thuế nhập khẩu của Anh được tính dựa trên phần trăm của trị giá hàng hoá - gọi là thuế theo giá (Ad valorem) mặc dù vẫn có những hàng hoá phải chịu mức thuế chi tiết (ví dụ bao nhiêu euros trên 1 kg hàng hoá)

EU đã kí kết các hiệp định thương mại với rất nhiều nước. Những hiệp định này cho phép hàng hoá có thể được giảm thuế và chịu mức thuế suất bằng 0. EU cũng kí kết nhiều hiệp định với các nước thuộc khối EFTA, một số nước ở Địa Trung Hải và các nước Tây Âu, các nước ở Châu Phi, các nước thuộc vùng biển Châu Á Thái Bình Dương và vùng biển Caribê. Do đó rất nhiều hàng hoá nhập khẩu vào Anh được hưởng các điều khoản ưu đãi về thuế.

Ngoài ra, Anh còn áp dụng hệ thống thuế ưu đãi chung GSP (*Generalised System of Preferences*) cho phép hàng hoá nhập khẩu từ các nước đang phát triển được giảm thuế hoặc chịu mức thuế suất bằng 0.

2.2 Thuế giá trị gia tăng

Hầu hết hàng hoá nhập khẩu đều phải chịu thuế VAT. Hiện tại Anh có ba mức thuế: mức thuế tiêu chuẩn 17,5%, mức thuế đã được miễn trừ: 5% và mức thuế 0%. Những mặt hàng được miễn giảm thuế như nguyên nhiên liệu nội địa, các sản phẩm tiết kiệm nhiên liệu, các sản phẩm vệ sinh phụ nữ hay ghế ngồi trong ô tô cho trẻ nhỏ. Mức thuế 0% được áp dụng cho các mặt hàng như thức ăn (không bao gồm đồ ăn trong nhà hàng hoặc cửa hàng bán đồ ăn nhanh), sách và báo chí, giày dép và quần áo cho trẻ con, các phương tiện giao thông công cộng. Ngoài ra cũng có những sản phẩm không chịu sự ảnh hưởng của thuế VAT như bảo hiểm, giáo dục và đào tạo, các hoạt động gây quỹ từ thiện hay các ấn phẩm thường niên cho thành viên trong các tổ chức. Bán, thuê các tòa nhà, khu đất thương mại cũng không bị thuế VAT chi phối. Thuế VAT được xác định dựa vào tổng trị giá hàng hoá, chi phí bảo hiểm, vận chuyển cộng thêm tổng thuế thu nhập phải trả. Tại Anh, nếu nhà nhập khẩu dùng CFSP (Customs Freight Simplified Procedures) thì hàng hóa nhập khẩu sẽ được thông quan nhanh hơn ở biên giới.

Thông thường hàng hoá nhập khẩu từ các nước không thuộc EU (các nước thứ ba) sẽ chịu mức thuế VAT giống với hàng hoá tương tự thuộc các nước EU.

Mức thuế VAT phổ biến của Anh là 17,5% mặc dù bắt đầu từ năm 1995 mức thuế đánh vào nhiên liệu nội địa đã giảm từ 8% xuống 5%. Rất nhiều các mặt hàng được miễn thuế hoặc chịu mức thuế suất VAT là 0%. Những sản phẩm chịu mức thuế 0% thì không bị đánh thuế VAT vào sản phẩm cuối cùng hoặc vào nguyên liệu đầu vào để sản xuất ra sản phẩm đó. Những sản phẩm được miễn thuế thì không phải chịu thuế VAT trên sản phẩm cuối cùng bán cho người tiêu

dùng. Nhưng trong trường hợp này, các doanh nghiệp này vẫn phải chịu thuế VAT trên nguyên liệu đầu vào của sản phẩm đó.

Sau đây là danh sách các mặt hàng chịu mức thuế suất 0%:

- + Quảng cáo nhằm mục đích từ thiện.
- + Sản xuất và sửa chữa máy bay, trực thăng.
- + Mũ bảo hiểm xe đạp nếu đủ tiêu chuẩn an toàn.
- + Người mù và khiếm thị có thể mua một số thiết bị không tính thuế VAT hoặc ở mức miễn giảm thuế như sách đọc và thiết bị hỗ trợ thị lực.
- + Giày và mũ bảo hộ lao động có thể được hưởng mức VAT 0%
- + Sách, báo, tạp chí, ấn phẩm âm nhạc và bản đồ.
- + Các cửa hàng từ thiện và bán đồ nhằm quyên góp từ thiện.
- + Quần áo và giày dép cho trẻ em
- + Xây dựng và bán các tòa nhà với mục đích từ thiện, định cư nội địa.
- + Người khuyết tật có thể tiêu dùng một số hàng hóa hoặc dịch vụ không tính thuế VAT hoặc được miễn giảm thuế bao gồm giường, xe hơi, đường dốc dành cho người khuyết tật, xe lăn và một số căn nhà có thang máy cho người khuyết tật.
- + Xuất khẩu và thông quan những sản phẩm và dịch vụ tới các nước trong nội khối hay ngoại khối EU
- + Thực phẩm bao gồm thịt, thức ăn nhanh và bánh nhưng không phải là các thực phẩm cung cấp cho các nhà hàng hay cửa hàng ăn nhanh, bánh kẹo bao gồm sôcôla và các thực phẩm ngọt khác, khoai tây chiên, hồ đào, và các loại rau thơm ăn nhanh khác, kem và trái thông, nước khoáng và các loại đồ uống khác.
- + Container dùng cho hàng xuất khẩu từ các nước thuộc liên minh châu Âu hoặc cho các hàng hóa gửi đi từ Anh tới các khách hàng đã đăng ký thuế VAT tại một quốc gia thuộc EU khác.
- + Vận tải biển
- + Gây quỹ từ thiện có thể hưởng VAT đặc biệt
- + Nhà trên thuyền
- + Thiết bị máy dùng để sản xuất hàng hóa có thể được xuất khẩu hay chuyển đến một nước khác thuộc EU
- + Mũ bảo hiểm xe máy nếu đáp ứng được tiêu chuẩn an toàn
- + Du khách nước ngoài hoặc khách dừng chân có thể được hoàn thuế nếu mua hàng hóa làm ở Anh
- + Ủng an toàn và mũ bảo hiểm công nghiệp
- + Những cải tiến hay tôn tạo các công trình được bảo vệ hoặc được lên danh sách hoặc các tượng đài

- + Các dịch vụ toàn cầu bao gồm sản xuất hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ trung gian và tư vấn
- + Đóng, sửa chữa và lái tài tại các cảng của Anh
- + Vận tải hành khách có người lái hoặc đoàn thủy thủ, bao gồm các phương tiện giao thông, thuyền và hàng không
- + Cung cấp nước cho các hộ gia đình

Những mặt hàng và các đối tượng được miễn thuế bao gồm:

Quyên góp từ thiện cho bảo tàng, triển lãm nghệ thuật, sở thú, nhà hát, biểu diễn âm nhạc hoặc nhảy có thể được miễn thuế VAT

Các đồ nghệ thuật và đồ cổ được bán cho một tổ chức sưu tập cộng đồng dưới dạng thỏa thuận cá nhân, hoặc được dùng để giải quyết một phần hay toàn bộ thuế thừa kế, thuế chuyển giao vốn hoặc có nghĩa vụ thuế với HMRC

Cá cược hoặc trò chơi bao gồm cá cược nhóm và các trò chơi cạnh tranh

Trò bingo bao gồm việc chơi trên internet, điện thoại, tivi hoặc radio

Bán hay cho thuê nhà

Ma chay

Chỗ đậu xe

Các hoạt động quyên quỹ từ thiện phù hợp với các tiêu chí được miễn thuế

Triển lãm và các sự kiện văn hóa tổ chức bởi chính quyền hoặc các tổ chức đủ tiêu chuẩn

Dịch vụ bác sỹ, nha sỹ và bác sỹ chuyên khoa được cung cấp bởi các tổ chức chăm sóc sức khỏe đã đăng ký

Dịch vụ giáo dục bao gồm đào tạo chuyên tu, nghiên cứu, dịch vụ kiểm tra hoặc chụp ảnh cho trường học có thể được miễn thuế nếu được cung cấp bởi các tổ chức tin cậy

Dịch vụ tài chính như cho vay, bảo hiểm, tín dụng, factoring, cổ phần và chứng khoán

Đầu tư vàng và các danh mục đầu tư đủ điều kiện đáp ứng được miễn thuế

Dịch vụ chăm sóc sức khỏe cung cấp bởi các bệnh viện, trạm xá hoặc dịch vụ chăm sóc tại nhà

Bảo hiểm bao gồm các dịch vụ cung cấp bởi **Friendly Societies**, các quỹ được phẩm, bảo hiểm được cung cấp cùng với các hàng hóa và dịch vụ khác được cung cấp ở ngoài lãnh thổ Anh

Đất và tài sản bao gồm bán đất và các tòa nhà – nhưng nhà cung cấp đất hay tài sản có thể chọn miễn thuế và thuế tiêu chuẩn

Xổ số bao gồm trò chơi xổ số trên internet

Nhà trên thuyền bao gồm chỗ đậu xe cho người sở hữu thuyền

Dịch vụ bưu chính cung cấp bởi bưu điện và thư bảo đảm

Phí chuyển thư bảo đảm

Tài trợ hoặc gây quỹ từ thiện
Các dịch vụ thể thao và thể chất như yoga,...

2.3 Thuế thu nhập

Thuế thu nhập cá nhân tại Anh từ 2010 – 2011 từ 10% - 50%

Thu nhập (GBP)	%
1-2.440	10
1-37.400	20
37.401-150.000	40
> 150.000	50

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp của Anh giai đoạn 2010-2011 là 28%. Đối với các công ty cư trú tại Vương quốc Anh với lợi nhuận hàng năm dưới 300.000 GBP mức thuế suất là 21%.

4. Quy định về bao gói, nhãn mác

Nước Anh yêu cầu hàng hoá phải có nhãn mác thể hiện nguồn gốc, cân nặng, kích thước và thành phần cấu tạo của sản phẩm để bảo vệ lợi ích người tiêu dùng. Nhãn mác hay nhãn hiệu phải gắn với bất cứ một mặt hàng nào khi đem ra bán lẻ. Nếu như sản phẩm không thể gắn hay đóng dấu nhãn mác thì những thông tin về hàng hoá phải được ghi trên phiếu đóng gói đi kèm sản phẩm hoặc ghi trên một tờ riêng giới thiệu về sản phẩm. Mặc dù đơn vị mét vẫn được dùng để đo kích thước và khối lượng hàng hoá nhưng việc sử dụng nhãn mác với cả đơn vị đo bằng mét và đơn vị đo tiêu chuẩn vẫn được cho phép sử dụng ở Anh.

Yêu cầu về nhãn mác đối với thuốc trừ sâu:

Ngoài việc tuân thủ Nghị định 91/414/ECC do cục liên bang môi trường ban hành, việc bán và sử dụng sản phẩm thuốc trừ sâu còn được quản lý bởi Hệ thống phân loại của cộng đồng chung Châu Âu (European Communities Classification) cũng như các quy định về bao gói và nhãn mác áp dụng với sản phẩm là thuốc trừ sâu ra đời năm 1994. Các sản phẩm thuốc trừ sâu bao gồm: chất diệt cỏ, chất diệt côn trùng, chất diệt nấm, sơn khử mùi, chất bảo quản gỗ. Việc nhập khẩu và bán các sản phẩm này sẽ bị coi là bất hợp pháp nếu không thông báo, kiểm tra, và không được sự cho phép của Cơ Quan về An Toàn Thuốc Trừ Sâu (Pesticide Safety Directorate Department)

Yêu cầu về nhãn mác đối với hàng hóa là thực phẩm:

Những sản phẩm không có xuất xứ Châu Âu và không được tự do lưu chuyển tại Châu Âu phải tuân theo những tiêu chuẩn về bao gói và nhãn mác. Những sản phẩm thức ăn dành cho người và động vật mà có chứa chất GM (GENNETICALLY MODIFIED) phải được đóng nhãn mác một cách thích hợp. Để biết thêm thông tin về các quy định về bao gói và nhãn mác có thể vào Website của Cơ quan về tiêu chuẩn lương thực, thực phẩm của Anh (UK Food Standard Agency).

4. Quy định về kiểm dịch động thực vật

Quy trình kiểm dịch động vật sống:

Hầu hết động vật nhập khẩu vào Anh đều phải thông qua quy trình kiểm dịch và động vật phải cách li trong 6 tháng trước khi nhập vào Anh. Quy trình kiểm dịch đối với động vật sống diễn ra như sau:

Chọn cơ quan kiểm dịch:

Đầu tiên nhà xuất khẩu động vật sang Anh phải chọn cơ quan kiểm dịch cho con vật của mình.

Giả sử bạn là người xuất khẩu động vật, bạn cần xem xét 2 yếu tố sau:

- + Bạn có hài lòng với sự chăm sóc mà cơ quan kiểm dịch dành cho động vật của bạn không
- + Nơi bạn sống có cách xa cơ quan kiểm dịch không vì bạn phải đến thăm con vật của bạn.

Đặt chỗ ở cho động vật:

Sau khi chọn cơ quan kiểm dịch bạn cần đặt chỗ ở cho con vật. Bạn nên đặt chỗ trước vào những tháng nghỉ. Bạn nên kí kết hợp đồng với giám đốc cơ quan kiểm dịch. Trong hợp đồng cần thoả thuận rõ những điều khoản sau:

- + Điều khoản về việc chuyển con vật tới địa điểm kiểm dịch khác hay tái xuất khẩu.

Nếu bạn muốn chuyển động vật tới một nơi kiểm dịch khác hay tái xuất khẩu cho người khác thì bạn phải thông báo trước. Nếu bạn không thông báo, bạn phải trả tiền các khoản phí thay cho việc thông báo.

- + Điều khoản về tình trạng động vật bị chết trong quá trình kiểm dịch

Bạn nên thoả thuận rõ bạn được bồi thường bao nhiêu tiền nếu con vật của bạn bị chết trong khi kiểm dịch.

- + Điều khoản về đặt cọc và những khoản tiền đặt trước.
- + Điều khoản về sự trì hoãn.
- + Điều khoản về các khoản phí
- + Bao gồm phí vận chuyển, bảo hiểm, phí của thức ăn bổ sung, phí thú y và các khoản phí khác
- + Điều khoản về việc thăm nom động vật trong quá trình kiểm dịch.

Thuê công ty vận chuyển:

Bạn nên thuê công ty vận chuyển để mang động vật của bạn đến cảng dỡ và chịu trách nhiệm đối với sự an toàn của động vật trong quá trình vận chuyển đến cơ quan kiểm dịch.

Xác định sân bay hoặc cảng đến của động vật:

Lấy giấy phép nhập khẩu:

Thông thường các cơ quan kiểm dịch sẽ thay mặt bạn giải quyết tất cả các loại giấy tờ liên quan đến việc xin cấp giấy phép nhập khẩu

Tiêm vaccin cho động vật trước khi nhập khẩu vào Anh:

Thông thường nước Anh không yêu cầu bất cứ 1 loại giấy chứng nhận kiểm dịch động thực vật hay chứng nhận tiêm vaccin trước khi động vật của bạn được nhập khẩu vào Anh. Tuy nhiên đối với mèo của Úc hay chó hoặc mèo của Malaysia thì giấy chứng nhận sức khoẻ động vật là bắt buộc.

Trường hợp động vật sống nhập khẩu vào Anh không cần kiểm dịch:

Chương trình PETS của Anh cũng cho phép những con vật nhất định (chó, mèo) của một số nước nhất định vào Anh mà không cần kiểm dịch miễn là động vật đạt được một số tiêu chuẩn nhất định.. Chương trình PETS bắt đầu có hiệu lực từ ngày 28/2/2000 và chỉ áp dụng với chó và mèo của một số nước.

Những nước được hưởng ưu đãi của chương trình PETS bao gồm: Andorra, Australia, Belgium, Denmark, Finland, France, Germany, Gibraltar, Greece, Iceland, Italy.

Những động vật được PETS thông qua là chó và mèo đã từng sinh sống ở những nước này trong 6 tháng và ngoài ra còn phải đạt các yêu cầu sau:

- + Đã được xử lý bằng con chip điện tử
 - + Đã tiêm vắc- xin phòng dại
 - + Đã được Bộ Nông Nghiệp và Lương thực thực phẩm của Anh xét nghiệm máu.
 - + Đã được cấp giấy chứng nhận sức khoẻ chính thức
- Các bệnh lây nhiễm đã được chữa trị trước khi được nhập khẩu

5. Quyền sở hữu trí tuệ

Luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của Anh khá khắt khe, toàn diện và có hiệu lực mạnh mẽ. Nước Anh đã ký một loạt các công ước quốc tế liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ bao gồm công ước về thành lập tổ chức thế giới về quyền sở hữu trí tuệ, công ước Pari về việc bảo hộ tài sản công nghiệp, công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật, Hiệp ước hợp tác về bằng sáng chế, công ước Geneva về sản phẩm máy ảnh ghi âm và công ước toàn cầu về bản quyền. Ở Anh các quy định về quyền sở hữu trí tuệ bảo vệ các quyền về bằng sáng chế, bản quyền và thương hiệu.

6. Khu vực tự do thương mại và các tổ chức quốc tế

ADB, AfDB, Hội đồng Bắc Cực (quan sát viên), Australia Group, BIS, C, CBSS (quan sát viên), CDB, CE, CERN, EAPC, EBRD, EIB, ESA, EU, FAO, FATF, G-20, G-5, G-7, G-8, G-10, IADB, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, ICCT, ICRM, IDA, IEA, IFAD, IFC, IFRCS, IHO, ILO, IMF, IMO, IMSO, Interpol, IOC, IOM, IPU, ISO, ITSO, ITU, ITUC, MIGA, MONUSCO, NATO, NEA, NSG, OAS (quan sát viên), OECD, OPCW, OSCE, Paris Club, PCA, PIF (đối tác) , SECI (quan sát), UN, Hội đồng Bảo an LHQ, UNCTAD, UNESCO, UNFICYP, UNHCR, UNIDO, UNMIS, UNRWA, UPU, WCO, WHO, WIPO, WMO, WTO, ZC

7. Quy định về tiêu chuẩn đối với hàng hoá và dịch vụ

Tất cả hàng hoá nhập khẩu vào Anh phải được ghi tên nước xuất xứ (nước sản xuất) theo yêu cầu của hải quan. Việc ghi tên nước xuất xứ trên hàng hoá phải được thiết kế theo cách thức và ở vị trí do các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động nhập khẩu hàng hoá đó qui định.

Để nhận dạng được nước xuất xứ thật khi hàng hoá đó được sản xuất hoặc lắp ráp tại hơn một nước thì nước xuất xứ (nước sản xuất) phải là nước mà hàng hoá đó được chế biến ở giai đoạn cuối cùng để trở thành thành phẩm hoặc đó phải là hàng hoá có sự biến đổi căn bản tức là biến đổi về nguyên vật liệu để tạo thành

sản phẩm khác. Ví dụ việc cho thêm đường vào hoa quả để sản xuất nước hoa quả không được coi là sự biến đổi căn bản nhưng việc biến quặng nóng chảy thành các tấm thép kim loại thì được coi là biến đổi căn bản. Quy định về chế biến hàng hoá của Anh khá phức tạp và yêu cầu một sự am hiểu khá tường tận hàng hoá cũng như quá trình chế biến hàng hoá để thành sản phẩm cuối cùng.

Có thể xem thêm về các quy định liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu của Anh tại địa chỉ [này](#)

8. Thành lập doanh nghiệp

Kết quả nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới cho biết bạn chỉ mất 13 ngày để thành lập một doanh nghiệp ở Vương quốc Anh so với thời gian bình quân của châu Âu là 32 ngày. Vương quốc Anh được xếp thứ nhất ở châu Âu và thứ 6 trên thế giới xét về vị trí tổ chức kinh doanh.

Chính hệ thống cởi mở, minh bạch và thân thiện với doanh nghiệp của Vương quốc Anh làm cho Vương quốc Anh trở thành một địa điểm dễ dàng để bắt đầu một công ty mới và không có quy định riêng áp dụng đối với các doanh nghiệp nước ngoài. Để biết thêm chi tiết về đăng ký một công ty ở Anh hay một tổ chức khác, bạn hãy truy cập vào trang thông tin của UKTI của chúng tôi.

Nếu bạn đang tìm kiếm một địa điểm phù hợp cho hoạt động kinh doanh của bạn, trang thông tin của UKTI (<http://www.ukti.gov.uk/home.html?guid=none>) sẽ cung cấp cho bạn thông tin về 12 khu vực đầu tư ở Vương quốc Anh, bao gồm cả điểm mạnh mang tính so sánh của những khu vực này về hoạt động kinh doanh. Bạn cũng có thể tìm thấy thông tin chi tiết liên hệ với các cơ quan phát triển khu vực (RDAs) với chức năng hỗ trợ kinh doanh ở mỗi khu vực của Vương quốc Anh.

Ngoài ra, bạn cũng có thể tìm thấy rất nhiều thông tin về một loạt những lựa chọn về tài sản thương mại ở Vương quốc Anh – từ không gian văn phòng phù hợp với khả năng tài chính của bạn đến khu tổ hợp khoa học chuyên ngành hay các tòa nhà văn phòng thương mại lồng kính cao cấp.

9. Văn hoá kinh doanh

Người Anh được coi là kín đáo, dè dặt trong lời cư xử, cách ăn mặc cũng như lời nói. Họ nổi tiếng về thái độ lịch sự, tính nguyên tắc và đặc biệt là tính hài hước.

Cách chào hỏi:

Người Anh khá dè dặt trong cách chào hỏi. Ở trường học hay ở chỗ làm thì câu chào hỏi thông thường nhất là “Hello”, “Hi”, “Good morning”. Ngoài ra cũng còn những cách chào hỏi khác:

- + Bắt tay : Là cách chào hỏi thông thường nhất giữa người Anh với nhau. Bắt tay cũng trở thành một hình thức giao tiếp khi bạn được giới thiệu với một người khác.
- + Hôn : Hôn nhẹ vào má là cách chào nhau của những người bạn thân khi lâu ngày mới gặp nhau.

Lời mời:

Những lời mời như “Drop in anytime” (Hãy đến thăm tôi vào bất cứ lúc nào), hay “Come see me soon” (Đến thăm tôi vào một ngày gần nhất nhé) thường là những lời mời thông dụng ở Anh nhưng hiếm khi được hiểu theo nghĩa đen. Thông thường nếu được mời bạn nên gọi điện trước khi đến thăm người đó. Nếu bạn được mời qua thiệp hay thư mời thì bạn nên trả lời người mời bạn à bạn có đến được hay không.

Đừng bao giờ nhận lời mời nếu bạn không muốn đi. Bạn có thể từ chối bằng cách nói rằng: “Thank you for inviting me, but I will not be able to come” (Cảm ơn đã mời tôi nhưng có thể tôi sẽ không đến được). Nếu sau khi đã nhận lời mời mà không đi được thì bạn nên gọi điện càng sớm càng tốt để thông báo là bạn không đến được và nhớ nói lời xin lỗi.

Khi được mời dùng bữa bạn nên có quà cho chủ nhà. Hoa, sôcôla hay một món quà nhỏ là phù hợp. Bạn có thể gửi thiệp cảm ơn hoặc gọi điện để thể hiện cảm kích của mình khi được mời.

Giao tiếp:

- + Hầu hết người Anh nói vừa phải, kiểm soát được giọng nói của mình, không nói to và không hoa chân múa tay.
- + Không phải tất cả người Anh đều ăn nói lưu loát nhưng bạn nên nói câu hoàn chỉnh và cuối câu bạn nên hạ thấp giọng
- + Hải hước đóng một vai trò quan trọng khi đàm phán trong kinh doanh. Người Anh cũng thường dùng lời nói mỉa mai để châm chọc lại đối thủ của mình hoặc để thể hiện sự không đồng ý hoặc bày tỏ thái độ coi khinh.
- + Khi người Anh quyết định kí kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với bạn thì họ thường thẳng thắn và không ngần ngại nói ra suy nghĩ của mình. Họ cũng sẽ

không ngần ngại nói “không” khi quyết định không hợp tác kinh doanh với bạn, tất nhiên họ sẽ nói với thái độ lịch sự.

- + Người Anh không thích những cuộc thảo luận om sòm, to tiếng. Nếu cuộc tranh luận đang trở nên căng thẳng ở mức đỉnh điểm thì họ thường uống một chút rượu hay xin lỗi và đi ra ngoài.

Thái độ đối với giờ giấc:

Người Anh rất coi trọng sự đúng giờ. Nếu bạn hẹn gặp một người Anh lúc 3 giờ thì chắc chắn anh ta sẽ có mặt ở nơi hẹn đúng 3 giờ. Vì người Anh rất coi trọng thời gian nên nhịp độ cuộc sống của họ rất hối hả. Ở Anh tất cả mọi người đều cố gắng đến đúng giờ. Bạn sẽ bị coi là bất lịch sự nếu bạn chỉ đến muộn một vài phút. Nếu bạn không thể đến đúng giờ hãy gọi điện trước cho người bạn hẹn gặp và hỏi anh ta rằng như thế có phiền tới anh ta không và nói lời xin lỗi. Sau đây là một vài lưu ý cần nhớ:

- + Bạn nên đến đúng giờ hẹn với giám đốc, giáo sư hay các chuyên gia
- + Bạn có thể đến bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian diễn ra bữa tiệc cocktail hoặc tiệc chiêu đãi.
- + Bạn nên đi sớm hơn một vài phút nếu đó là một cuộc họp, một buổi xem phim, nghe hoà nhạc hoặc đám cưới.
- + Nếu bạn được mời đến nhà một người Anh dùng bữa lúc 7.30 thì bạn không nên đến đúng giờ mà nên đến muộn hơn từ 10 đến 15 phút.

Cách ăn mặc:

Cách ăn mặc thích hợp nhất của các doanh nhân là quần áo vét, hoặc áo sơ mi. Tuy nhiên cần lưu ý những điều sau trong cách ăn mặc (đặc biệt đối với các nam doanh nhân):

- + Không để bút chì, bút hoặc bất cứ thứ gì trong túi áo sơ mi hoặc áo vét. Tuy nhiên nếu muốn có thể để một chiếc khăn tay lụa trong túi áo vét.
- + Không đeo cà vạt loè loẹt
- + Không đeo cà vạt có sọc chéo vì mọi người sẽ nghĩ bạn là thành viên của một tổ chức quân đội và người ta có thể sẽ hỏi bạn là cà vạt bạn đeo có ý nghĩa gì.

Cách ăn uống:

- + Người Mỹ thường dùng đĩa để cắt thức ăn sau đó lại chuyển sang khác để ăn nhưng đây được coi là hành động thiếu lịch sự và không đẹp mắt trong văn

hoá ăn uống của người Anh. Vì vậy khi đến Anh hãy tập dùng dao bằng tay phải và lấy thức ăn bằng đĩa ở tay trái.

- + Giữ đầu sắc và nhọn của dao luôn hướng xuống phía dưới
- + Thông thường các bữa ăn trong kinh doanh được tổ chức ở một quán rượu và bữa ăn sẽ chỉ là một bữa ăn nhẹ. Tuy nhiên những doanh nhân cấp cao thường ăn ở những nhà hàng sang trọng hoặc ăn tại phòng ăn dành cho quan chức cấp cao của công ty. Bữa ăn thường được kéo dài từ 7h đến 11 giờ tối.
- + Nếu bạn được mời thì bạn là người chủ động kết thúc bữa ăn vì chủ nhà sẽ không muốn kết thúc bữa ăn trước.

Tặng quà:

Tặng quà không là một phần thuộc văn hoá kinh doanh của người Anh. Điều này có nghĩa là các doanh nhân Anh ít khi nhận quà biếu. Tuy nhiên bạn vẫn có thể tặng quà có giá trị nhỏ như bút, sách, hoa, rượu... Đặc biệt tránh tặng những món quà có giá trị lớn như vàng bạc, trang sức, đồ gốm sứ....

Khi tặng hoa, cần tránh tặng những hoa sau: hoa hồng đỏ, hoa li trắng, hoa cúc.

Nhưng điều nên và không nên:

Khi ở Anh, bạn hãy:

- + Xếp hàng: Người Anh luôn xếp hàng có trật tự và chờ đợi kiên nhẫn ví dụ như khi đi xe bus. Nếu bạn chen lấn, xô đẩy thì sẽ bị coi là bất lịch sự.
- + Hãy nói “Excuse me”
- + Hãy trả tiền trước khi đi: Bạn nhớ trả tiền đồ uống bạn gọi ở quầy bar hoặc quán rượu.
- + Hãy nói “Please” và “Thank you”
- + Hãy che miệng khi ngáp hoặc ho
- + Bắt tay: Khi được giới thiệu với một người khác bạn nên dùng tay phải để bắt tay và bắt lấy tay phải của người đó.
- + Hãy nói “sorry”: Bạn vô tình xô vào ai, hãy nói “sorry” thậm chí lỗi không phải là ở bạn. Điều này đã trở thành một thói quen, một nếp sống ở Anh.
- + Hãy mỉm cười
- + Hãy lái xe bên trái

Và những điều không nên:

- + Không chào tất cả mọi người bằng một nụ hôn. Hôn chỉ dành cho bạn thân hoặc những người họ hàng với nhau
- + Tránh nói to ở nơi công cộng

- + Sẽ là bất lịch sự nếu bạn liếc nhìn ai ở nơi công cộng
- + Không hỉ mũi ở nơi công cộng
- + Không vỗ lưng hoặc ôm hôn
- + Không phát ra tiếng “ợ” khi ăn xong. Nếu bạn không thể kìm nén được thì nên che miệng lại và nói xin lỗi mọi người ngay sau đó.
- + Không nói khi miệng đầy thức ăn. Nếu không bạn sẽ coi là bất lịch sự.
- + Không hỏi những câu hỏi cá nhân hoặc câu hỏi quá riêng tư.
- + Người Anh tôn trọng sự riêng tư. Vì vậy, bạn không nên nói những câu như: “Bạn kiếm được bao nhiêu tiền”. “Bạn nặng bao nhiêu cân?” hay “Tại sao bạn chưa kết hôn?”.

PHẦN 5. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

Thương vụ Việt Nam tại Vương quốc Anh

Tham tán: Ông Nguyễn Hữu Anh

Address: 29 Chepstow Place, London W2 4TT, United Kingdom

Tel: 44 (0)207 727 0883

Fax: 44 (0)207 243 0471

Email: viet_trade_uk@hotmail.com; uk@mot.gov.vn

Phòng thương mại và công nghiệp Anh

Caxton House

12 Tothill Street

London SW1H 9NH

Tel: 011-44-171-273-30000

Bộ môi trường

2 Marsham Street

London SW1P 3EB

Tel: 011-44-171-276-0900

Bộ y tế

Richmond House

79 Whitehall

London SW1

Tel: 011-44-171-210-4850

Cơ quan về bằng sáng chế và thương hiệu

Cardiff House

Newport NP9 1 RH

Tel: 011-44-1645-500505

Ngân hàng trung ương Anh

Threadneedle Street

London EC2V 8DQ

Tel: 011-44-171-601-44421

Phòng thương mại Anh

London SW1P 3QD

Tel: 011-44-171-565-2000

Fax: 011-44-171-565-2049

Phòng thương mại quốc tế

14-15 Belgrave Square

London SW1X 8PS

Tel: 011-44-171-404-6400

Fax: 011-44-171-404-6828

Phòng thương mại và công nghiệp

Ban ngành chịu trách nhiệm về giấy phép nhập khẩu

Queensway House, West Precinct,

Billingham, Cleveland TS23 2NF

Tel. Stockton

011-44-1642 364333/264334

Fax. 011-44-01642 533557

Email. enquires.ilb@imlb.dti.gov.uk

Phòng thương mại và công nghiệp

Cơ quan quản lý xuất khẩu

Bộ phận cấp giấy phép xuất khẩu (chịu trách nhiệm về quản lý và cấp giấy phép xuất khẩu)

Export Control Organisation

Export Licensing Unit

Kingsgate House

66-74 Victoria Street

London SW1E 6SW

Tel. 0171 215 8070

Fax. 0171 215 8564

Cơ quan truyền thông Anh

Waterloo Bridge House,
Waterloo Road,
London SE1 8UA.
Tel. 011 44 171 215 2297

Bộ nông nghiệp, thủy sản và thực phẩm

Government Buildings,
Hook Rise South,
Tolworth,
Surbiton, Surrey. KT6 7NF
Tel. 011 44 181 330 4411

Cơ quan hải quan và thuế

21 Victoria Avenue
Southend-on-Sea SS99 1AA.
Tel. 011 44 1702 36699

Hiệp hội những nhà nhập khẩu Anh

Suite 8
Castle House
25 Castlereagh Street
London W1H 5YR
Tel. 011-44-0171 258 3999
Fax. 011-44-0171 724 5055

Hiệp Hội Vận Tải Quốc Tế Anh

Redfern House
Browells Lane
Feltham Middlesex TW13 7EP
Tel. 011-44-0181 844 2266

Cơ quan hải quan và thuế của bang Jersey

12 Caledonia Place
St. Helier Jersey
Channel Islands JE2 3NG
Tel. 011-44-01534 873561
Fax. 011-44-01534 37060

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Việt Nam với Vương quốc Anh của Tổng Cục Hải quan và Tổng Cục Thống kê Việt Nam.

Thông tin tổng quan về thị trường **Anh** có tại các website:

- wcia.gov www.cia.gov
- wstate.gov www.fco.gov.uk
- www.thitruongnuocngoai.com

Thông tin về quy định nhập khẩu vào Vương quốc Anh có tại:

- Info.hktdc.com
- www.export.gov

Thông tin về quan hệ ngoại giao Việt Nam – Vương quốc Anh trên website của Bộ Ngoại giao Việt Nam.

Thông tin tình hình và quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và Vương quốc Anh trích dẫn từ các bài viết, tin tức đăng tải trên các trang tin điện tử của Thông tấn xã Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam, mạng Vinanet, VietNamNet... và các tờ báo kinh tế - thương mại trong nước (Báo Đầu tư, Thời báo Kinh tế Việt Nam, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, Báo Thương mại...).